

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 09/2022/DS-ST ngày 08-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TP. CẦN THƠ**

** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.
- Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Diễm Châu;

Bà Lê Bảo Ngân.

** Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Văn Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh tham gia phiên tòa:* Bà Khổng Phúc Vĩnh Nhật- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2021/TLST-DS, ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Ngọc H - 1971- có mặt.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T- 1977- vắng mặt lần 02 không lý do.

Địa chỉ: Ấp L, xã Q, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ đã thu thập được và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thì nguyên đơn Phạm Ngọc H trình bày và yêu cầu giải quyết như sau: Do quen biết và thân thiết nên ông H thường xuyên cho bà Nguyễn Thị T vay tiền nhiều lần. Nhưng sau mỗi lần vay đó, bà T đã trả xong nợ vốn và lãi đúng thời hạn cho ông H. Do tạo được uy tín nên vào cuối tháng 10 năm 2019, ông H tiếp tục cho bà T vay 350.000.000đ nhưng không viết biên nhận. Lãi suất do hai

bên thỏa thuận là 3%/tháng. Nhưng lần vay tiền này, bà T không trả nợ cho ông H như đã thỏa thuận, mặc dù đã được ông H yêu cầu và nhắc nhở nhiều lần. Do đã làm mất uy tín nên vào ngày 29-5-2020, hai bên đã lập tờ Biên nhận, bà T có ký tên trong đó để thừa nhận có vay của ông H 350.000.000đ. Đồng thời bà T còn cam kết trả tiền lãi phát sinh vào ngày 30 hằng tháng, cho đến khi trả xong nợ gốc, theo lãi suất 3%/tháng. Nhưng sau đó bà T cũng không thực hiện việc trả nợ cho ông H như đã cam kết.

Do trái ý không chịu trả nợ nên sau đó bà T đã tự viết tờ giấy có nội dung nhận nợ và cam kết trả nợ trên tờ giấy ca- rô nhưng không ghi tiêu đề và ngày tháng năm (*viết tắt là giấy nhận nợ và cam kết trả nợ*). Căn cứ vào tờ giấy này thì bà T thừa nhận có vay ông H 350.000.000đ và hẹn đến ngày 30-4-2021 sẽ trả xong số nợ này cùng tiền lãi phát sinh cho ông H. Nhưng đến hạn trả nợ, thì bà T không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi cho ông H như đã cam kết. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà T chịu trách nhiệm trả cho ông H 350.000.000đ nợ gốc và 105.000.000đ tiền lãi. Tiền lãi phát sinh được tính như sau: Tính từ ngày 29-5-2020 đến ngày 29-11-2021 là 18 tháng, theo mức lãi suất 20%/năm.

Tại phiên tòa. Ông H vẫn yêu cầu bà T chịu trách nhiệm trả cho ông H 350.000.000đ nợ gốc. Còn tiền lãi phát sinh, thì ông H chỉ yêu cầu bà T chịu trách nhiệm trả cho ông 52.500.000đ, tính từ ngày 29-5-2020 đến ngày 29-11-2021 là 18 tháng, theo mức lãi suất 10%/năm (0,8334%/tháng). Đối với khoảng thời gian từ sau ngày 29-11-2021 đến ngày xét xử thì ông H không yêu cầu trả lãi. Nhưng từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông H yêu cầu bà T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

* Bị đơn Nguyễn Thị Tuyết T trình bày: Bà T thừa nhận có vay của ông H 350.000.000đ. Bà vay số tiền này vào ngày 29-5-2020. Tự bà có viết nội dung nhận nợ trên tờ giấy ca- rô nhưng không ghi tiêu đề và ngày tháng năm, thừa nhận có vay của ông H 350.000.000đ và còn cam kết sẽ trả hết số tiền này cho ông H vào ngày 30-4-2021. Hai bên còn thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng. Việc vay số tiền trên đã lâu nhưng bà T không trả được nợ cho ông H như đã cam kết. Còn tiền lãi phát sinh thì bà đã trả được cho ông H nhiều lần nhưng không nhớ trả được bao nhiêu tháng và bao nhiêu tiền. Sau đó bà T ngưng thực hiện việc trả lãi nhưng không nhớ từ thời điểm nào cho đến nay. Qua đơn khởi kiện của nguyên đơn, bà T đồng ý chịu trách nhiệm trả cho ông H 350.000.000đ nợ gốc, còn tiền lãi phát sinh thì bà T xin ông H. Vì bà bị bế nợ nên hiện nay không còn khả năng trả nợ.

* *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng với quy định của pháp luật. Còn người tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà T chịu trách nhiệm trả cho ông H 350.000.000đ nợ gốc và 52.500.000đ tiền lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà T chịu trách nhiệm trả cho ông H 350.000.000đ nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Được xác định là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Xét yêu cầu của* nguyên đơn yêu cầu bà T chịu trách nhiệm trả cho ông H 350.000.000đ nợ gốc. Xét thấy, trong quá trình thu thập chứng cứ mà cụ thể là tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06-01-2022 đối với bà T, thì bà T luôn thừa nhận là bà có vay của ông H 350.000.000đ. Sự thừa nhận của bà T còn phù hợp với chứng cứ do ông H giao nộp cho Tòa án là Biên nhận ngày 29-5-2020 và giấy nhận nợ và cam kết trả nợ. Vì bà T còn thừa nhận là bà có tự viết tờ giấy nhận nợ và cam kết trả nợ, thừa nhận có vay của ông H 350.000.000đ và còn cam kết sẽ trả hết số tiền này cho ông H vào ngày 30-4-2021. *Tóm lại*, căn cứ vào lời thừa nhận của bà T và tài liệu, chứng cứ do ông H giao nộp cho Tòa án, thì ông H đã chứng minh được: vào ngày 29-5-2020, bà T vay 350.000.000đ nhưng hiện nay chưa trả được nợ cho ông H. Do đó, cần phải buộc bà H chịu trách nhiệm trả cho ông H 350.000.000đ nợ gốc là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về yêu cầu trả tiền lãi phát sinh.* Tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đã quy định về lãi suất như sau: *Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thuận không được vượt quá 20%/năm (giới hạn) của số tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn nói trên.* Mà theo sự thừa nhận của bà T thì khi vay tiền, bà và ông H có thỏa thuận lãi suất. Do đó, ngoài việc phải trả nợ gốc thì bà T còn phải chịu trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh cho ông H là có căn cứ. Nhưng ông H chỉ yêu cầu bà T chịu

trách nhiệm trả tiền lãi cho ông theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm, bằng số tiền là 52.500.000đ $\{350.000.000đ \times 10\%/năm \times 18 \text{ tháng (tính từ ngày 29-5-2020 đến ngày 29-11-2021)}\}$ là có căn cứ. Vì bà T vay 350.000.000đ từ trước ngày 29-5-2020 tính đến nay cũng đã trên 18 tháng nhưng ông H chỉ yêu cầu bà T phải chịu trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh từ ngày 29-5-2020 đến ngày 29-11-2021 (18 tháng), với mức lãi suất 10%/năm không chỉ phù hợp với quy định của pháp luật mà còn có lợi cho bà T.

Đối với tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo ngày 29-11-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về yêu cầu của ông H yêu cầu bà T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền phải trả cho ông H.

[5] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng, cũng như ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, 36, 91, 92, 144, 147 và 188 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị T chịu trách nhiệm trả cho ông Phạm Ngọc H 402.500.000đ $\{bốn \text{ trăm lẻ hai triệu năm trăm ngàn đồng (trong đó có } 350.000.000đ \text{ nợ gốc và } 52.500.000đ \text{ tiền lãi phát sinh từ ngày 29-5-2020 đến ngày 29-11-2021)}\}$.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

** Về tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm:*

- Hoàn trả 11.100.000đ (*mười một triệu một trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí cho ông Phạm Ngọc H. Theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006078 ngày 20-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ.

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 20.100.000đ (*hai mươi triệu một trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông báo, niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Xuân Diệu